

GẮN KẾT MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA Ở VIỆT NAM

Ngô Thắng Lợi*, Vũ Thành Hường**

Ngày nhận: 10/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 16/10/2014

Ngày duyệt đăng: 20/10/2014

Tóm tắt

Bài viết dựa trên một số kết quả nghiên cứu chính của đề tài cấp nhà nước KX04.11/11-15 (Ngô Thắng Lợi, 2012) đang được triển khai “Phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu” (thuộc chương trình cấp nhà nước KX 04/11-15 của Hội đồng Lý luận Trung ương, trường Đại học Kinh tế Quốc dân là cơ quan chủ trì thực hiện). Nội dung bài viết đi sâu vào đánh giá khía cạnh phát triển bền vững được đưa ra và thực hiện trong mô hình công nghiệp hóa ở Việt Nam như thế nào, bao gồm từ quá trình phát triển nhận thức của Đảng về gắn công nghiệp hóa với phát triển bền vững, đến những vấn đề đặt ra về gắn phát triển bền vững trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa và cuối cùng, bài viết đưa ra một số kiến nghị chính nhằm gắn phát triển bền vững trong quá trình tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa trong các điều kiện mới của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Từ khóa: Phát triển bền vững, công nghiệp hóa, tăng trưởng nhanh và hiệu quả, tiến bộ và công bằng xã hội, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, công nghiệp hóa rút ngắn – hiện đại.

Sustainable development goals in connection with the industrialization process in Vietnam

Abstract:

This paper is based on key findings of the national project KX04.11/11-15 "Sustainable Development in Vietnam in the new context of globalization, international integration and climate change" (under the national program KX 04/11-15 of the Central Theoretical Council of Vietnam Communist Party and the National Economics University is the agency responsible for implementation). The paper focuses on the following evaluations: (i) how does sustainable development issue was launched and implemented in the model of industrialization in Vietnam; (ii) how is the awareness of the linkage between industrialization and sustainable development in Vietnam; (iii) how is sustainable development associated with the implementation process of industrialization. The paper also provides some key recommendations for improving the role of sustainable development in the industrialization process in Vietnam in the new context.

Keywords: Sustainable development, industrialization, rapid growth, efficient growth, progress, social justice, environmental pollution, climate change, shortened-modern industrialization.

1. Đặt vấn đề

Thực hiện công nghiệp hóa và xây dựng Việt Nam trở thành nước công nghiệp đã được Đảng và Chính phủ Việt Nam xác định là mục tiêu xuyên suốt quá trình phát triển đất nước kể từ Đại hội Đảng lần thứ III (1960). Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lần 2 (2001-2010) được phê duyệt trong Đại hội IX của Đảng đã lựa chọn mô hình công nghiệp hóa rút ngắn – hiện đại và đặt mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam về cơ bản trở thành nước công nghiệp. Đại hội lần thứ XI tiếp tục khẳng định mục tiêu và mô hình công nghiệp hóa, đồng thời đặt thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa trong mối quan hệ với phát triển bền vững (PTBV): “Phát triển bền vững với công nghiệp hóa rút ngắn phải lồng ghép một cách hài hòa và bổ trợ lẫn nhau và bền vững chính là nền tảng của rút ngắn” (Văn kiện Đại hội XI). Trong thời gian qua có nhiều nghiên cứu khoa học xung quanh hai chủ đề là công nghiệp hóa và phát triển bền vững. Trong đó phải kể đến những nghiên cứu lớn: chương trình KX02/2001-2005 (Đỗ Hoài Nam, 2007), đề tài cấp nhà nước KX 04.07/2011-2015 (Nguyễn Kế Tuấn, 2012) và hiện nay Hội đồng Lý luận Trung ương đang tổng kết những kết quả của 30 năm thực hiện công nghiệp hóa đất nước. Chủ đề Phát triển bền vững mặc dù đặt vấn đề sau, nhưng cũng đã có không ít những nghiên cứu chuyên sâu dưới dạng đề tài khoa học, hội thảo khoa học hoặc sách xuất bản như: Đề tài khoa học cấp nhà nước KX01-05/06-10: “Cơ chế, chính sách phát triển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam đến 2015” (Nguyễn Văn Nam, 2007); Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi (2007); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006)... Các nghiên cứu này đã đưa ra nhiều kết luận cả về lý luận và thực tiễn ở Việt Nam về các khía cạnh của công nghiệp hóa và phát triển bền vững. Tuy nhiên, những nghiên cứu và kết luận về mối quan hệ giữa quá trình công nghiệp hóa với phát triển bền vững cũng như việc thực hiện quá trình gắn kết này ở Việt Nam như thế nào thì hiện nay chưa có những nghiên cứu cụ thể mang tính chuyên sâu. Đề tài cấp nhà nước: “Phát triển bền vững trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu” do trường Đại học Kinh tế Quốc dân là cơ quan chủ trì lại đi sâu chủ yếu vào chủ đề gắn kết mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa ở Việt Nam. Những nội dung dưới đây là một số kết quả nghiên cứu của đề tài về chủ đề

này, bao gồm đánh giá sự phát triển nhận thức của Đảng và Nhà nước về gắn kết phát triển bền vững với quá trình công nghiệp hóa đất nước, trên cơ sở đó đưa ra những phát hiện về những biểu hiện thiếu bền vững trong quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam thời gian qua và đề xuất một số kiến nghị nhằm gắn kết tốt hơn mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa ở Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh chuỗi và so sánh chéo để thực hiện quá trình phân tích, cụ thể là so sánh giữa yêu cầu về mặt lý luận với sự phát triển nhận thức của Đảng và Nhà nước, giữa thực trạng phát triển của Việt Nam qua các năm với các nước khác trong quá trình phát triển (qua xử lý các số liệu thứ cấp, kết hợp với các tiêu chuẩn hay yêu cầu đặt ra). Những kiến nghị đề xuất được xây dựng dựa trên phương pháp khung logic: những vấn đề đặt ra hiện tại sẽ được xử lý và giải quyết bằng các định hướng và giải pháp cho tương lai.

2. Đánh giá sự phát triển nhận thức của Đảng và Nhà nước về gắn kết phát triển bền vững với quá trình thực hiện công nghiệp hóa

Những ưu điểm

- *Yêu cầu tăng trưởng bền vững đã được đặt ra trong mô hình công nghiệp hóa bắt đầu từ Đại hội IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Quan điểm tăng trưởng nhanh lần đầu tiên được đặt ra và xem như là yếu tố trung tâm trong mô hình công nghiệp hóa rút ngắn từ Đại hội IX (2001). Đến Đại hội XI (2011), quan điểm “tăng trưởng nhanh” lại được nhắc lại và nhấn mạnh đây là yêu cầu then chốt nhất để đuổi kịp các nước công nghiệp phát triển trong khu vực và trên thế giới. Nhận thức về một mô hình tăng trưởng nhanh trong công nghiệp hóa rút ngắn của Đảng xuất phát trên cả hai phương diện nhu cầu và khả năng. Xét về nhu cầu, để đạt được tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người của một nước công nghiệp hóa (khoảng 4000-5000\$) và thay đổi thứ hạng trong bảng xếp loại thu nhập bình quân của Việt Nam trên thế giới và khu vực, thì việc tăng trưởng nhanh là một yêu cầu tất yếu phải đặt ra và thực hiện. Về khả năng, việc thực hiện tăng trưởng nhanh là điều có thể đạt được ở Việt Nam nếu đặt quá trình phát triển kinh tế đất nước trong điều kiện toàn cầu hóa, khi đó các rào cản cho tăng trưởng nhanh sẽ được đáp ứng tốt bằng cơ chế mở cửa và hội nhập quốc tế.

Nhận thức của Đảng về tăng trưởng kinh tế với tư

cách là điều kiện cần thiết nhất cho công nghiệp hóa rút ngắn còn được bổ sung thêm trong Đại hội XI với yêu cầu: tăng trưởng nhanh phải gắn với tính hiệu quả và bền vững trong phát triển [Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ XI (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2011, tr.7)]. Đảng ta đã cho rằng: hai yếu tố tăng trưởng nhanh và tăng trưởng hiệu quả, bền vững cần phải lồng ghép một cách hài hòa và bổ trợ lẫn nhau, tăng trưởng nhanh phải bảo đảm bền vững và bền vững chính là nền tảng để tăng trưởng nhanh.

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách thích hợp. Trong Đại hội XI, Đảng ta chủ trương thực hiện 3 khâu đột phá (phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường), chủ trương thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế, trong đó nhấn mạnh đến tái cấu trúc đầu tư công, hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước, tất cả đều nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh bền vững.

- Đã có quan điểm gắn công nghiệp hóa với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Đại hội Đảng lần thứ IX đồng thời với việc thực hiện mô hình công nghiệp hóa rút ngắn, Đảng ta đã phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lần thứ 2 (2001-2010), theo đó lần đầu tiên tư tưởng “Phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ xã hội được đưa ra với vị trí là quan điểm số một trong hệ thống các quan điểm phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời kỳ này. Cụ thể hóa quan điểm này, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được Đảng phê duyệt đã nêu rõ: Phải tận dụng năng lực và tạo cơ hội cho mọi người phát huy hết tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và hưởng thụ thành quả phát triển, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi người góp sức thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, gìn giữ và phát triển văn hóa dân tộc (Ban Chấp hành TW Khóa IX, 2001).

Quan điểm kết hợp tăng trưởng với tiến bộ, công bằng xã hội tiếp tục được phát triển trong các kỳ Đại hội X (2006) và XI (2011). Đặc biệt trong Đại hội XI đã nhấn mạnh đến “công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì sự phát triển công bằng, tự do và toàn diện của con người” [Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ XI (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2011, tr5)]. Quan điểm này phản ánh định hướng xã hội chủ nghĩa của mô hình công nghiệp

hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Theo quan điểm này, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải đảm bảo cho con người với tư cách là chủ thể phát triển, có cơ hội và có năng lực để đón bắt cơ hội phát triển. Đó là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì con người, do con người và của con người Việt Nam. Với quan điểm này, Đại hội XI của Đảng đã thông qua chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011- 2020 với mục tiêu tổng quát “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt” (Ban Chấp hành TW Khóa XI, 2011).

- Yêu cầu bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu đã được đặt ra trong nội dung công nghiệp hóa

Bắt đầu từ thời kỳ thực hiện mô hình công nghiệp hóa rút ngắn: Đại hội IX đã xác định quan điểm chủ đạo của chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá là “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” (Ban Chấp hành TW Khóa IX, 2001). Theo đó, yêu cầu gắn việc bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế được coi là cơ sở, là giải pháp quan trọng để đánh giá tính đúng đắn, tính khoa học và tính khả thi của các giải pháp phát triển khi tiến hành công nghiệp hóa.

Tại Đại hội X, quan điểm phát triển bền vững đã được thể hiện đậm nét hơn và trở thành khẩu hiệu hành động của Đại hội: “Đại hội của trí tuệ, đổi mới, đoàn kết và phát triển bền vững”. Đại hội khẳng định tiếp tục coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội; thực hiện tốt Chương trình nghị sự 21 (Agenda 21); áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, từng bước khắc phục tình trạng xuống cấp, cải thiện chất lượng môi trường; hình thành khung pháp luật, chính sách về bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng gắn chính sách kinh tế với chính sách bảo vệ môi trường, áp dụng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường trên cơ sở thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc phải chi trả cho việc xử lý ô nhiễm”.

Đại hội XI (2011) đã xác định vị trí, vai trò quan trọng của bảo vệ và cải thiện tài nguyên, môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng nội dung bảo vệ môi trường lên một tầm cao mới, gắn

chặt với quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa: “Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình dự án đầu tư”. Một điểm mới so với Đại hội X là đưa thêm nội dung “Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch” (Ban Chấp hành TW Khóa IX, 2011).

Những hạn chế

- Nhận thức chưa đầy đủ về phát triển bền vững trong công nghiệp hóa rút ngắn

Trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 (phê duyệt tại Đại hội IX) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 (phê duyệt tại Đại hội XI) có nói đến công nghiệp hóa với phát triển bền vững và xem như phát triển bền vững là mục tiêu của quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, có 2 cách hiểu không đầy đủ: (i) đồng nhất phát triển bền vững với bền vững về môi trường, khi nói đến tính thiếu bền vững chỉ nói đến môi trường; (ii) cho rằng phát triển bền vững phải là nói đến 3 trụ cột: kinh tế - xã hội – môi trường, nhưng lại đặt ra một cách rất độc lập ba yếu tố này trong các nội dung mang tính cụ thể hóa nội hàm của phát triển bền vững, có nghĩa là phát triển bền vững 3 trụ cột của nền kinh tế: kinh tế - xã hội – môi trường.

- Chưa nhận thức được rõ ràng nội dung cụ thể của từng trụ cột phát triển bền vững

(i) Chưa thực sự coi trọng (kể cả trong tư duy và chính sách) và hiểu rõ yêu cầu, nội dung của yếu tố hiệu quả và bền vững của tăng trưởng là như thế nào. Các văn kiện Đại hội Đảng và các văn bản hoạch định phát triển khác, mới chỉ đưa ra được các mục tiêu, chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng, tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người, nhưng các khía cạnh về hiệu quả và bền vững tăng trưởng lại không được hiểu đầy đủ, chưa hiểu rõ hiệu quả và bền vững của tăng trưởng thể hiện ở nội dung nào? hay được đo lường bằng các chỉ số nào?

(ii) Chưa nhận thức đầy đủ việc làm thế nào, bắt đầu từ đâu để có tiến bộ và công bằng xã hội tương xứng với thành quả của tăng trưởng kinh tế, vì thế không hiểu nên bắt đầu từ đâu và có chính sách đúng để người dân (nhất là người nông dân và khu vực nông thôn) được tham gia trực tiếp hay được phân phối lại kịp thời, hợp lý thành quả của tăng

trưởng nhanh.

(iii) Chưa thực sự có nhận thức đầy đủ về sự nguy hại của vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu, vì thế thường coi nhẹ các chính sách có liên quan đến giải quyết vấn đề này.

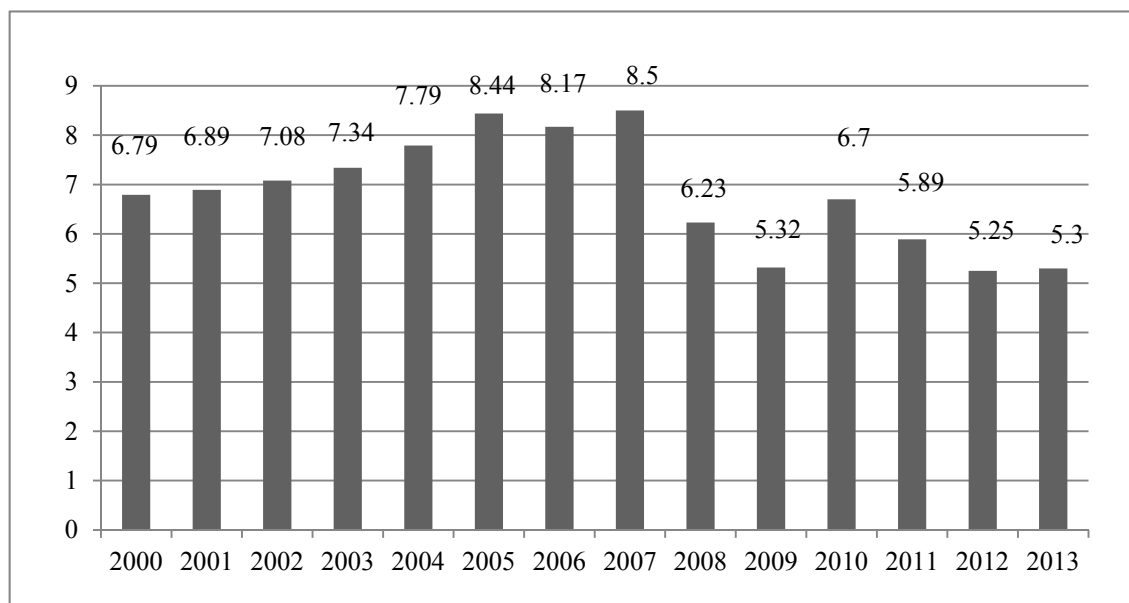
- Chưa có tư duy đúng trong việc tạo dựng các yếu tố động lực tăng trưởng nhanh và hiệu quả

Chúng ta có nói nhiều đến cần phải tạo dựng các yếu tố động lực tăng trưởng (như nói ở trên) trong các văn kiện, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, việc làm thế nào để có được các động lực tăng trưởng đó thì lại tỏ ra lúng túng và trong thực thi, lại có những quyết định mâu thuẫn. Ví dụ: chính sách phát triển các vùng kinh tế trọng điểm theo chiều rộng đã làm mờ đi và mất dần các dấu hiệu động lực tăng trưởng của các vùng này; chủ trương phát triển ở ạt khu công nghiệp, tập đoàn kinh tế, đã làm mất đi tính hiệu quả của các điểm động lực này; chính sách thu hút ở ạt, thiếu chọn lọc dòng FDI đã làm mất đi mục tiêu chuyển giao công nghệ của chiến lược này và làm cho mô hình tăng trưởng kinh tế trở nên thiếu bền vững và hiệu quả; việc xác định vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước đã làm cho khu vực tư nhân bị mất đi các động lực tăng trưởng; việc can thiệp quá sâu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tạo ra những rào cản cho hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, trong khi đó Nhà nước lại bỏ qua nhiều hoạt động với vai trò là định hướng hay hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng gắn phát triển bền vững và quá trình thực hiện công nghiệp hóa ở Việt Nam thời gian qua

Việc đánh giá thực trạng phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam giai đoạn từ 2001 đến nay được thể hiện chi tiết và toàn diện trong các kết quả nghiên cứu chuyên sâu của đề tài KX 04.11/2011-2015 (Ngô Thắng Lợi, 2012), trong đó bao gồm đánh giá thực trạng tăng trưởng nhanh và hiệu quả, đánh giá thực trạng tác động của tăng trưởng đến tiến bộ và công bằng xã hội và đánh giá thực trạng tác động của tăng trưởng đến môi trường trong điều kiện biến đổi khí hậu. Trên cơ sở những nghiên cứu chi tiết theo từng góc độ gắn kết phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam từ 2001 đến nay, bài viết được trình bày dưới dạng kết luận về những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa gắn phát triển bền vững. Đây chính là những phát hiện về biểu hiện của việc không bảo đảm hoặc nguy cơ không bảo

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2001-2013



Nguồn: Niên giám thống kê các năm

Bảng 1: So sánh thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam (GNI/người)

DVT: USD

	2000	2005	2009	2010	2011
Theo giá US\$ thực tế					
Việt Nam	390	620	1000	1169	1270
Thế giới	5170	7011	8732	9069	9514
Khoảng cách TG	4780	6391	7732	7900	8244
Trung Quốc	840	1740	3650	4428.5	4990
Khoảng cách TQ	450	1120	2650	3259.5	3720
Theo sức mua tương đương PPP					
Việt Nam	2000	3010	2790	3070	3250
Thế giới	7410	9424	10594	11066	11560
Khoảng cách TG	5410	6414	7804	7996	8310
Trung Quốc	3920	6600	6890	7599	8390
Khoảng cách TQ	1920	3590	4100	4394	5140

Nguồn: số liệu của WB

đảm yêu cầu của phát triển bền vững trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa thời gian qua ở Việt Nam.

Vấn đề tăng trưởng nhanh và hiệu quả

Thực trạng tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn thực hiện mô hình công nghiệp hóa rút ngắn từ 2001 đến nay, có 2 vấn đề chính sau đây được đặt ra:

Một là, tốc độ tăng trưởng nhanh đang có xu hướng đi xuống trong nhiều năm qua

Theo dõi động thái tăng trưởng kinh tế của Việt Nam từ năm 2001 đến nay (qua Hình 1), chúng ta thấy rõ ràng là: Xu hướng giảm dần và không có dấu hiệu khôi phục về tốc độ tăng trưởng kinh tế từ năm

2008 đến 2013.

6 tháng đầu năm 2014, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 5,18%. Thực trạng trên cho thấy, nếu chúng ta không đặt vấn đề tìm cách khôi phục và duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh như những giai đoạn trước đã từng đạt được thì nguy cơ tụt hậu của Việt Nam so với thế giới và khu vực sẽ ngày càng rõ ràng hơn và có thể không cứu vãn được.

Bảng 1 cho thấy kể cả trong những năm đạt được tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam vẫn luôn có xu thế tụt hậu so với thế giới và các nước trong khu vực. Đến nay, kinh tế Việt Nam vẫn trong nhóm các nền kinh tế thu nhập trung bình thấp. Thậm chí đến năm

Bảng 2: Các yếu tố tạo ra tăng trưởng GDP giai đoạn 1990-2010

Nước	Giai đoạn 1990-2000				Giai đoạn 2001-2010			
	Tăng trưởng GDP	Các yếu tố tạo ra tăng trưởng			Tăng trưởng GDP	Các yếu tố tạo ra tăng trưởng		
		Vốn	Lao động	TFP		Vốn	Lao động	TFP
<i>Đóng góp tính theo điểm phần trăm hàng năm (ppa)</i>								
Việt Nam	7.3	2.5	1.6	3.2	7.2	3.9	1.4	1.8
Trung Quốc	9.9	3.6	0.7	5.5	9.7	4.1	0.6	5
Ấn Độ	5.3	2.1	1.2	2	7.3	3.1	1.6	2.7
Campuchia	7.3	2.8	2.5	2	9	4.2	3.5	1.3
Indônêxia	4.1	2.5	1.1	0.5	5.1	1.4	1.1	2.5
Malaixia	6.9	3.7	2.1	1.1	5.4	1.6	1.1	2.7
Philippin	3	1.3	1.4	0.3	4.7	1	1.9	1.8
Thái Lan	4.4	2.7	0.3	1.4	4.7	0.8	1.4	2.5
<i>Tỷ trọng đóng góp</i>								
Việt Nam	100%	34%	22%	44%	100%	53%	19%	26%
Trung Quốc	100%	36%	7%	56%	100%	42%	6%	52%
Ấn Độ	100%	40%	23%	38%	100%	42%	22%	37%
Campuchia	100%	38%	34%	27%	100%	47%	39%	14%
Indônêxia	100%	61%	27%	12%	100%	27%	22%	49%
Malaixia	100%	54%	30%	16%	100%	30%	20%	50%
Philippin	100%	43%	47%	10%	100%	21%	40%	38%
Thái Lan	100%	61%	7%	32%	100%	17%	30%	53%

Nguồn: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (2013)

2020 tuy GDP có thể vượt 3000\$, Việt Nam vẫn là nền kinh tế ở Nhóm nước thu nhập trung bình thấp vì các tiêu chí phân loại Nhóm nước này đã nâng lên với GNI vượt 4000\$ vào năm 2012 (phân loại theo GNI, với phương pháp ATLAS của Ngân hàng thế giới).

Hai là, mô hình tăng trưởng kinh tế vẫn chưa có dấu hiệu chuyển đổi theo hướng tích cực

Mô hình tăng trưởng kinh tế trong thời gian vừa qua và cho đến nay vẫn được thực hiện chủ yếu qua vốn vật chất (vốn đầu tư) và vốn con người (quy mô, số lượng lao động), trong khi đó đóng góp của tổng năng suất các yếu tố bao gồm tiến bộ công nghệ và các yếu tố khác không quan sát được như hiệu quả quản lý nhà nước, thể chế chính sách và sự vận hành nó... vào năng suất chỉ chiếm một phần rất nhỏ (xem bảng 2).

Các số liệu tính toán sơ bộ của nhóm nghiên cứu (đề tài KX04.11/11-15) về cấu trúc tăng trưởng theo đầu vào giai đoạn 2011-2014, cho kết quả đóng góp của yếu tố vốn là 51,5%, yếu tố lao động là 23% và yếu tố TFP là 25,5%. Kết quả này cho thấy mô hình tăng trưởng cho đến nay vẫn không có dấu hiệu chuyển đổi theo hướng tích cực, mặc dù chúng ta đã có 3 năm triển khai thực hiện tái cấu trúc kinh tế gắn

với chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Trong cấu trúc tăng trưởng theo đầu vào, yếu tố lao động đóng góp rất khiêm tốn vào tăng trưởng, trong khi số lượng lao động lại có sự gia tăng nhanh chóng, điều đó đã ảnh hưởng không tốt đến năng suất lao động chung và gây hiệu ứng ngược chiều cho sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế. Mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư vốn, trong khi tỷ lệ tiết kiệm nội địa (đặc biệt là tiết kiệm của khu vực công) đang giảm nhanh, do đó mức độ phụ thuộc vào các nguồn vốn từ bên ngoài như FDI, ODA, kiều hối ngày càng cao. Chính sách tăng trưởng tập trung vào phát triển theo chiều rộng thay vì phát triển theo chiều sâu, tập trung vào số lượng thay vì vào chất lượng phản ánh tính chất không bền vững của quá trình tăng trưởng. Trong thời gian tới chúng ta cần tập trung sức vào nghiên cứu và triển khai thực hiện một mô hình tăng trưởng hợp lý nhằm mục tiêu chính là nâng cao hiệu quả, chất lượng và tính bền vững của các con số tăng trưởng.

Vấn đề gắn tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội

Những vấn đề chính đặt ra đối với việc gắn kết tăng trưởng với tiến bộ xã hội trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa rút ngắn thời gian tới như sau:

Bảng 3: Các chỉ số bất công bằng trong phân phối thu nhập Việt Nam (giai đoạn 2001-2010)

	Giãn cách thu nhập	Tiêu chuẩn “40”	Hệ số GINI
Tiêu chuẩn quốc tế			
- Bất công bằng cao	Trên 10 lần	Dưới 12%	Trên 0,5
- Bất công bằng vừa	Từ 8 lần - 10	Từ 12% - 17%	Từ 0,4 - 0,5
- Bất công bằng thấp	Dưới 8 lần	Trên 17%	Nhỏ hơn 0,4
Việt Nam			
2002	8,1	17,4	0,42
2004	8,34	17,4	0,42
2006	8,37	17,34	0,424
2008	8,9	15,1	0,434
2010	9,2	14,96	0,435

Nguồn: Tính toán từ Kết quả VHLSS 2002, 2004, 2006, 2008, 2010 của Tổng cục thống kê

Một là, thực hiện mục tiêu giảm nghèo, nhất là giảm nghèo bền vững vẫn là một vấn đề rất khó khăn

Năm 2013, theo chuẩn nghèo chính thức của Việt Nam áp dụng giai đoạn 2011 - 2015, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam là 14,2%, còn theo ước tính dựa vào chuẩn nghèo Tổng cục Thống kê - Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ nghèo của Việt Nam dưới 10%. Thêm vào đó, trong thời gian vừa qua, tốc độ tăng trưởng đã giảm mạnh so với thập niên đầu của thế kỷ 21, và dự báo nền kinh tế sẽ phục hồi chậm trong thời gian tới, cùng với nó là hiệu lực của mô hình tăng trưởng tới giảm nghèo trong giai đoạn vừa qua đã giảm dần. Mặt khác, những hộ nghèo còn lại khó tiếp cận hơn với thành quả tăng trưởng kinh tế do tập trung nhiều hơn ở những khu vực xa xôi hẻo lánh và nhóm dân tộc thiểu số, nơi mà các vấn đề cơ cấu liên quan đến tài sản và địa bàn trở thành những hạn chế mang tính bó buộc (ví dụ như đất đai nghèo nàn, ít được giáo dục và đào tạo, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công bị hạn chế). Do đó, đây là một vấn đề cần nhiều nỗ lực để có thể giải quyết được trong thời gian tới.

Hai là, tác động của tăng trưởng kinh tế đến phát triển con người có chiều hướng giảm

Chỉ số phát triển con người của Việt Nam trong những năm gần đây cũng luôn trong xu thế tăng, đạt 0,617 năm 2012, song chặng đường đạt tới mức phát triển con người cao với HDI = 0,8 (tiêu chí của các nước đạt tiêu chuẩn công nghiệp hóa) sẽ là một chặng đường dài. Mặt khác, theo phân tích ở trên thì hiệu ứng của tăng trưởng đến phát triển con người trong thập niên vừa qua ở Việt Nam đang có xu hướng giảm dần. Điều đó, một mặt do xuất phát điểm thấp nên bản thân sự tiến bộ về tăng trưởng

kinh tế chưa đủ lực để tạo nên những bước đột phá về mặt xã hội. Mặt khác, việc chạy theo mục tiêu tăng trưởng nhanh nhưng kém hiệu quả trong thời gian qua, thậm chí nhiều trường hợp phải chấp nhận “bằng mọi giá” đã làm cho mô hình tăng trưởng của Việt Nam vốn dĩ là mô hình vì con người nhưng đang có xu hướng bị yếu đi. Điểm nhấn cần đặt ra trong việc thực hiện tăng trưởng thời gian tới cần thực hiện sự lan tỏa tốt hơn đến các khía cạnh xã hội, nhất là vấn đề phát triển giáo dục, y tế cũng như các khía cạnh khác về phát triển con người.

Ba là, mức độ gia tăng bất công bằng trong phân phối thu nhập có chiều hướng gia tăng trong quá trình tăng trưởng

Hiện nay, như phần phân tích thực trạng đã nêu, các tiêu chí bất công bằng trong phân phối thu nhập cả về chiều rộng lẫn chiều sâu có xu hướng gia tăng lên đến cận trên của bất công bằng vừa, nếu không không chế, sẽ chuyển sang mức độ bất công bằng xã hội cao, hoàn toàn đi ngược với mục tiêu của quá trình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại trong giai đoạn hiện nay (xem bảng 3).

Vì vậy, trong thời gian tới, cần thiết phải giải quyết vấn đề làm sao đó tạo cơ hội có sự tham gia của mọi người dân, nhất là các vùng nghèo được tham gia vào quá trình tăng trưởng kinh tế; Mặt khác, vấn đề phân phối thu nhập cũng cần phải đặt ra, nhất là các hình thức phân phối lại thu nhập giữa các vùng miền và các tầng lớp dân cư trong xã hội. Giải quyết các vấn đề nói trên chính là tháo gỡ những “nút cổ chai” thực hiện sự gắn kết giữa tăng trưởng với công bằng xã hội trong thời gian tới.

Vấn đề gắn tăng trưởng với bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Việt Nam thực sự đang đứng trước nhiều thách thức về phát triển bền vững, trong đó, thách thức lớn nhất, cơ bản nhất là làm thế nào để hài hòa giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữa lợi ích thế hệ hiện tại và lợi ích thế hệ tương lai. Những vấn đề nổi cộm gắn liền quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế với sự an toàn của môi trường và biến đổi khí hậu bao gồm:

Thứ nhất, vấn đề thay đổi tư duy “coi trọng tăng trưởng kinh tế, xem nhẹ yêu cầu bảo vệ môi trường” vẫn còn rất chậm chạp

Theo ước tính của nhiều chuyên gia kinh tế môi trường, nếu GDP Việt Nam trong 10 năm tới tăng gấp đôi mà không quan tâm đúng mức tới công tác môi trường thì ô nhiễm môi trường sẽ tăng 3 lần; Đến năm 2025, có thể gấp 4-5 lần mức độ ô nhiễm môi trường hiện nay. Trung bình, cứ tăng 1% GDP thì thiệt hại do ô nhiễm môi trường sẽ làm mất đi tương đương 3% GDP. Ô nhiễm môi trường không chỉ gây tổn thất kinh tế mà còn tác động tiêu cực và trực tiếp đến sức khỏe con người. Tỷ lệ chi trả cho việc bảo vệ chăm sóc sức khỏe do tác động của ô nhiễm môi trường năm 2010 khoảng 0,3% GDP, dự kiến sẽ tăng tới 1,2% GDP vào năm 2020. Cùng với đó, nguy cơ cạn kiệt và suy thoái các nguồn tài nguyên như năng lượng hóa thạch, khoáng sản, thủy sản, rừng, nước, đất... và các tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu cũng gia tăng. Vì thế cần tăng cường nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người dân về thay đổi mô hình tăng trưởng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường để tăng tính cạnh tranh của nền kinh tế nhằm hình thành ý thức và chuyển biến thành hành động cụ thể trong quản lý, điều hành và thực thi các chính sách phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Thứ hai, vấn đề tái cơ cấu kinh tế nhằm bảo đảm tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thực sự bền vững về môi trường chưa có biểu hiện rõ ràng

Vấn đề nói trên đã làm cho quá trình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam có tác động tiêu cực đến môi trường và điều đó đặt ra một số điểm nhấn cho quá trình tiếp sau:

- Vấn đề chuyển từ các hoạt động “kinh tế nâu” sang “kinh tế xanh – carbon thấp” đồng thời giảm việc tập trung các cơ sở công nghiệp ở một số vùng lãnh thổ đông dân và nhạy cảm về môi trường; tăng cường và đổi mới đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử

dụng tài nguyên và năng lượng, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Vấn đề phát triển các ngành kinh tế hỗ trợ, giải quyết hậu quả về môi trường của các ngành kinh tế khác như công nghiệp môi trường, phát triển và chuyển giao công nghệ môi trường, dịch vụ môi trường, sản xuất hàng hóa, thiết bị môi trường, công nghiệp tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải.

- Vấn đề hỗ trợ một số ngành kinh tế thân thiện với môi trường nhưng gặp khó khăn về nguồn vốn, đầu ra của sản phẩm thiếu ổn định, lợi thế cạnh tranh, lợi nhuận thấp.

4. Một số kiến nghị chính nhằm gắn phát triển bền vững trong quá trình tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa

Từ thực trạng những vấn đề đặt ra thời gian qua và một số dự báo cơ bản về kinh tế - xã hội - môi trường trên thế giới có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam, bài viết đưa ra một số kiến nghị sau đây để có thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa ở Việt Nam

Thứ nhất: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm thực hiện nội dung công nghiệp hóa rút ngắn – hiện đại

Để vượt qua được mức chuẩn về thu nhập bình quân đầu người, một mối quan ngại nhất cho việc Việt Nam có trở thành nước công nghiệp hay không, điều quan trọng là chúng ta vẫn cần phải thực hiện chiến lược tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên, không giống như giai đoạn trước, tăng trưởng nhanh trong giai đoạn này phải gắn liền với tính hiệu quả và khả năng duy trì trong dài hạn. Theo đó, chúng ta cần hướng tới một mô hình tăng trưởng mới, mô hình phải được thực hiện trong giai đoạn dài, từ 2011-2030 và được xác định đó là: *mô hình tăng trưởng bền vững, hiệu quả và vì con người, dựa trên cơ sở khai thác và sử dụng tốt nhất các lợi thế cạnh tranh quốc tế, bằng các yếu tố tăng trưởng theo chiều sâu, vận hành theo cơ chế kinh tế thị trường hoàn chỉnh, trong một môi trường thể chế có tính trách nhiệm và minh bạch cao.*

Mô hình tăng trưởng tổng quát giai đoạn 2011-2030 hàm chứa ba yếu tố cơ bản: (i) Mục tiêu cần đạt được của quá trình tăng trưởng kinh tế là: bền vững, hiệu quả và vì con người; (ii) Động lực tăng trưởng chính là các lợi thế cạnh tranh quốc tế; (iii) Phương thức thực hiện: dựa trên các yếu tố tăng trưởng theo chiều sâu và trên nền một cơ chế kinh

tế thị trường hoàn chỉnh trong một môi trường thể chế trách nhiệm và minh bạch cao.

Đề mô hình tăng trưởng nêu trên có tính khả thi, tức là đến năm 2030 được vận hành đầy đủ, cần chia lộ trình thực hiện thành hai giai đoạn: từ năm 2011 đến 2020 (giai đoạn 1) và từ 2021 đến 2030 (giai đoạn 2), theo đó:

- *Giai đoạn 1*: Chuẩn bị (tạo dựng và bắt đầu vận hành) các điều kiện để thực hiện mô hình tăng trưởng tổng quát, dựa trên việc khắc phục những hạn chế của mô hình tăng trưởng hiện tại và tạo ra được những điểm cầu nổi tích cực cho thực hiện mục tiêu cuối cùng của mô hình tăng trưởng tổng quát đặt ra. Theo đó, trong giai đoạn này, hai nhiệm vụ cơ bản đặt ra phải hoàn thành (1): Nâng cao hiệu quả các yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng, trong đó tập trung vào điểm chính là nâng cao hiệu suất sử dụng vốn và năng suất lao động; (2) Tạo dựng tốt các lợi thế cạnh tranh quốc tế trên cơ sở phát triển các ngành mũi nhọn và các vùng động.

- *Giai đoạn 2*: đạt tới mục tiêu cuối cùng của mô hình tăng trưởng là bền vững, hiệu quả và vì con người, trên cơ sở: (i) tập trung đầu tư vốn là lao động theo chiều sâu trên phạm vi toàn nền kinh tế; (ii) phát huy lợi thế của cơ cấu kinh tế mở hiện đại, được hoàn thiện theo các lợi thế cạnh tranh ngành sản phẩm và vùng động lực được phát triển trong giai đoạn 2011-2020; (iii) vận hành thông suốt cơ chế kinh tế thị trường và gắn chặt quá trình tăng trưởng với thực hiện tiến bộ xã hội cho con người. Để thực hiện được mục tiêu này, có 2 nhiệm vụ chính cần thực hiện: (1) Chuyển sang tăng trưởng theo chiều sâu trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế; (2) Hoàn thiện và khai thác tốt các lợi thế cạnh tranh đã tạo dựng từ các sản phẩm mũi nhọn và vùng động lực tăng trưởng

Thứ hai: Gắn tăng trưởng với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội theo yêu cầu công nghiệp hóa rút ngắn - hiện đại

Kiến nghị này nhằm hướng quá trình công nghiệp hóa gắn với phát triển bền vững về mặt xã hội. Để thực hiện được nội dung trên, bên cạnh các giải pháp, chính sách chúng ta vẫn làm, chúng tôi kiến nghị: Phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa cần phải được xem như là lựa chọn ưu tiên trong giai đoạn trước mắt. Với xuất phát điểm là một nền kinh tế nông nghiệp có nhiều tiềm năng và lợi thế với hơn 60% dân số sống ở khu vực nông thôn và tham gia sản xuất nông

ng nghiệp, do đó nông nghiệp, nông thôn là nền tảng phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Thực tế đã chứng minh trong giai đoạn khủng hoảng và suy thoái kinh tế vừa qua, trong khi các khu vực công nghiệp và dịch vụ đều bị ảnh hưởng dẫn tới suy giảm tốc độ tăng trưởng, chỉ duy nhất khu vực nông nghiệp vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng, làm bệ đỡ cho nền kinh tế không bị rơi sâu vào khủng hoảng. Thêm vào đó, phần lớn người nghèo ở Việt Nam hiện nay ở khu vực nông thôn và chính cách thức thực thi mô hình tăng trưởng cũng khiến bất bình đẳng trong khu vực nông thôn gia tăng nhanh nhất, do đó tập trung phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phù hợp để giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội nhằm hướng tới đáp ứng tiêu chí xã hội của một nước công nghiệp.

Thứ ba: Thực hiện mô hình phát triển xanh là con đường tốt nhất gắn thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa với ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu

Xuất phát từ yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh của nền kinh tế và ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, đồng thời nắm bắt cơ hội đang mở ra từ xu hướng và mối quan tâm toàn cầu đối với kinh tế xanh, chúng tôi kiến nghị: Việt Nam cần hướng phát triển theo mô hình phát triển xanh; xác định phát triển xanh là một nội dung quan trọng, là nền tảng và động lực của định hướng Chiến lược công nghiệp hóa đất nước, là định hướng để điều chỉnh các chiến lược và quy hoạch phát triển các địa phương, các ngành và lĩnh vực liên quan. Để thực hiện được định hướng phát triển xanh, chúng tôi kiến nghị cần phải cụ thể hóa thành những định hướng cụ thể sau đây:

- Xây dựng chiến lược phân bổ nguồn lực để đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, chế biến thực phẩm, du lịch và nguồn nước nhằm củng cố và phát huy lợi thế “vốn tự nhiên” của các tài nguyên có thể tái tạo, phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế xanh do Chương trình Môi trường của Liên Hiệp Quốc (UNEP) đề xuất; tập trung xây dựng và đầu tư vào những dự án trọng điểm theo hướng cơ chế phát triển sạch (CDM) trong các lĩnh vực này.

- Xây dựng các địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế xanh tại các vùng miền núi và trung du phía Bắc, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long nhằm phát

huy tiềm năng lợi thế về năng lượng tái tạo, các giá trị cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái, đảm bảo an ninh nguồn nước, cung cấp nơi cư trú và duy trì văn hóa bản địa, kiểm soát thiên tai như lũ lụt, lở đất, xói mòn và bồi tụ đất đai, đáp ứng yêu cầu ứng phó với những nguy cơ của biến đổi khí hậu;

- Đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, các bon thấp nhằm giảm thiểu ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng

góp phần hạn chế mức độ “nâu” của nền kinh tế;

- Phát triển ngành dịch vụ môi trường và ngành công nghiệp tái chế nhằm giải quyết hậu quả về môi trường do các khu vực kinh tế “nâu” gây ra, góp phần tạo nên tăng trưởng kinh tế và việc làm;

- Phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, sinh học, sinh khối, địa nhiệt,...□

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành TW Khóa IX (2001), *Chiến lược Phát triển KTXH 2001-2010*, Văn kiện Đại hội Đảng IX.

Ban Chấp hành TW Khóa IX (2011), *Chiến lược Phát triển KTXH 2011-2020*, Văn kiện Đại hội Đảng XI.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006), *Nghiên cứu, tổng kết một số mô hình phát triển bền vững ở Việt Nam*.

Đỗ Hoài Nam (2007), ‘*Chương trình: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng Xã hội chủ nghĩa*’, mã số KX02/ 01-05, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ngô Thắng Lợi (2012), ‘*Phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu*’, đề tài cấp nhà nước, mã số KX04.11/ 11-15.

Nguyễn Kế Tuấn (2012), ‘*Phát triển đất nước thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa*’, đề tài cấp nhà nước, mã số KX04.07/ 11-15.

Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi (2007), *Phát triển bền vững ở Việt Nam, thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Văn Nam (2007), ‘*Cơ chế, chính sách phát triển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam đến 2015*’, đề tài cấp nhà nước, mã số KX01-05/ 06-10.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2011), *Văn kiện đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX, X và XI*.

Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (2013), ‘*Phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu: Thực trạng và những vấn đề đặt ra cho tương lai*’, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia.

Thông tin tác giả:

***Ngô Thắng Lợi**, Giáo sư, tiến sĩ, trưởng bộ môn Kinh tế phát triển, Chủ nhiệm đề tài KX04.11/11-15

- Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu: Kinh tế phát triển, Chiến lược và Kế hoạch phát triển, quản lý phát triển.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: loint@neu.edu.vn

****Vũ Thành Hưởng**, tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu - Phát triển Chương trình Sau đại học, Viện Đào tạo Sau đại học. Thư ký đề tài KX 04.11/11-15.

- Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu: kinh tế phát triển, Chiến lược và Kế hoạch phát triển.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: vthuongneu@gmail.com